

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT & THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Tiên Lâm*, Nguyễn Tiên Phong, Nguyễn Nam Hà,
Nguyễn Văn Dũng, Đặng Thị Kim Mai

Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Giáo dục thể chất là một bộ phận hữu cơ của mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm giúp con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, nâng cao khả năng học tập và làm việc. Chuẩn bị thể lực là một nội dung của quá trình giáo dục thể chất, thể lực có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó ảnh hưởng đến kết quả học tập, trong các hoạt động Thể dục thể thao của sinh viên

Từ khóa: Giáo dục thể chất, phát triển thể lực, tố chất vận động

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nâng cao thể chất, phát triển thể lực cho sinh viên là nhiệm vụ thường xuyên của bộ môn GDTC trong trường Đại học Thái Nguyên. Đánh giá thực trạng môn học Giáo dục thể chất và thực trạng thể lực của sinh viên là một vấn đề có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Nhận thức được tầm quan trọng các giảng viên bộ môn Giáo dục thể chất trong các trường không chỉ thực hiện đầy đủ những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung chương trình, trên cơ sở từ thực trạng đó mà vận dụng sáng tạo cải tiến, xây dựng các nội dung học tập mới cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường. Điều đó đã góp phần vào việc nâng cao thể lực và chất lượng học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên từng trường và trong toàn Đại học Thái Nguyên nói chung

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu.
Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp quan sát sự phạm, Phương pháp kiểm tra sự phạm, Phương pháp thực nghiệm sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và luyện tập (Bảng 1)

Cơ sở vật chất phục vụ cho việc tập luyện và thi đấu TDTT trong các trường không đồng

đều, nhất là các trường thành lập sau, nói chung còn thiếu thốn, không đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của sinh viên

Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC trong các trường Đại học thuộc Đại học Thái Nguyên (Bảng 2)

Các giảng viên có trình độ tiến sỹ chiếm tỷ lệ còn rất thấp so với các bộ môn khác trong toàn Đại học Thái Nguyên (2,7%), đang NCS là 12,16%, thạc sỹ chiếm 68,91%. Vì vậy việc nâng cao trình độ chuyên môn là một vấn đề hết sức cấp thiết trong các trường Đại học thuộc Đại học Thái Nguyên hiện nay

Chương trình môn học GDTC của các trường Đại học thuộc Đại học Thái Nguyên (Bảng 3)

Số giờ phân bố không đều của các trường trong cùng một chương trình giảng dạy đại học. (Không theo chương trình của Bộ GD & ĐT quy định 150 tiết)

Kết quả phỏng vấn về thực trạng môn học GDTC của các trường Đại học thuộc Đại học Thái Nguyên (Bảng 4)

Thực tế, chất lượng công tác GDTC nói chung chưa đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu đào tạo cũng như nguyện vọng tập luyện, rèn luyện của sinh viên. Do nhiều trường phải chung cơ sở vật chất, sân bãi giảng dạy - tập luyện. Các bộ môn chưa áp dụng yêu cầu về kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo năm học của sinh viên vào điều kiện để cấp chứng chỉ TDTT do còn coi nhẹ yếu tố thể lực của sinh viên

* Tet

Bảng 3. Nội dung chương trình GDTC trong các trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên

Trường	Số tiết	Số kỳ học	Nội dung			
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4
ĐH Sư phạm	90	3	Điện kinh	Tự chọn	Tự chọn	
ĐH Nông lâm	90	3	Điện kinh	Bóng đá	Bóng chuyền	
ĐH CNTT&TT	120	4	Điện kinh	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng đá
ĐH Y dược	150	3		Điện kinh	Bóng chuyền	Bóng rổ
ĐH KT Công nghiệp	90	3	Điện kinh	Bóng chuyền	Bóng đá	
ĐH Khoa học	90	3	Điện kinh	Bóng rổ	Cầu lông	
ĐH Kinh tế & QTKD	90	3	Thể dục	Bóng chuyền	Bóng đá	

Bảng 4. Kết quả phong vấn cán bộ quản lý - giảng viên các trường (n = 49)

TT	Nội dung	Kết quả phong vấn	
		n	%
Đánh giá công tác GDTC			
1	- Đáp ứng yêu cầu của Bộ và của nhà trường.	20	50
	- Đáp ứng từng yêu cầu.	30	87,5
	- Chưa đáp ứng	0	0
Những vấn đề công tác GDTC cần tập trung			
	- Ban giám hiệu cần quan tâm thương xuyên.	37	92,5
	- Cần củng cố công tác quản lý.	30	75
	- Cần nâng cao chất lượng giáo viên.	40	100
	- Phải cải tiến phương pháp giảng dạy cho phù hợp	40	100
	- Cần phát tăng cường cơ sở vật chất sân bãi	36	90
	- Tăng kinh phí cho hoạt động thể thao	38	95
	- Cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa	35	75
	- Cần tổ chức các giải thể thao, cầu lạc bộ, đội tuyển.	40	100
Công tác tổ chức			
3	- Công tác kế hoạch của bộ môn - Đã làm thương xuyên	34	85
	- Chưa thương xuyên	6	15
	- Xây dựng lại chương trình, nội dung giảng dạy	4	0,1
	- Đưa nội dung kiểm tra tiêu chuẩn RLTT vào đánh giá điểm học tập của sinh viên.	38	95
Công tác tổ chức chuyên môn			
	- Công tác chỉ đạo kiểm tra chuyên môn với giáo viên	-	-
	+ Thương xuyên	15	37,5
	+ Chưa thương xuyên.	32	80
Hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khoá của giáo viên			
	- Thương xuyên	-	-
	- Thỉnh thoảng	0	0
	- Chưa có	10	25
		30	75

Sự chỉ đạo quan tâm của nhà trường và sự phối hợp giữa bộ môn GDTC và các phòng ban chức năng về công tác GDTC còn ở mức hạn chế

Thực trạng thể lực của sinh viên các trường Đại học thuộc Đại học Thái Nguyên. (Bảng 3.6)

Các test sử dụng để đánh giá thể lực của sinh viên được thực hiện theo Quy định số 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên

Đề tài tiến hành khảo sát tình trạng thể lực của nam nữ sinh viên ở 4 trường đang trong quá trình học tập năm thứ I, năm thứ II và năm thứ III (Tổng 2407 sinh viên). Tỷ lệ sinh viên không đạt tiêu chuẩn xếp loại thể lực theo quy định khá cao từ 19,51 - 51,29%

Bảng 5. Kết quả phong vấn sinh viên về môn học GDTC & các hoạt động TDTT (n=320)

TT	Nội dung câu hỏi	Ý kiến sinh viên	
		Số sinh viên	Tỷ lệ %
	Số sinh viên tập luyện TDTT ngoài khóa		
	- Thương xuyên	26	8,12
	- Không thường xuyên	140	43,75
	- Không tập	154	48,12
	Động cơ tập luyện TDTT		
	- Ham thích	29	9,06
	- Có tác dụng rèn luyện thân thể	216	67,5
	- Bắt buộc	52	16,25
	- Bị lôi cuốn	17	5,31
	- Không ham thích	40	12,5
	- Mất thời gian, không có tác dụng	5	1,56
	Ý kiến sinh viên về tổ chức giờ học TDTT nội khóa		
	- Sôi động	51	15,93
3	- Đơn điệu khô khan	189	59,06
	- Rất khô khan	80	25,0
	Đánh giá của sinh viên về giờ học TDTT nội khóa		
	- Trang bị được kỹ thuật về một số môn thể thao	250	78,1
	- Cung cấp phương pháp tập luyện	245	76,6
	- Cung cấp các kiến thức về TDTT và tác dụng đối với sức khỏe và thể lực con người	260	81,2
	- Rèn luyện, củng cố thể lực và kỹ năng kỹ xảo vận động	205	64,0
	Ý kiến sinh viên về một buổi học TDTT nội khóa với nhiều nội dung		
	- Cần	303	94,6
	- Không cần	17	5,3
	- Không có ý kiến	0	0
	Ý kiến của sinh viên với các bài tập rèn luyện thể lực trong giờ học		
6	- Cần	312	97,5
	- Không cần	8	2,5
	- Không có ý kiến	0	0

KẾT LUẬN

Thực trạng công tác GDTC cho sinh viên còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập môn GDTC,

Tỷ lệ sinh viên ở tất cả các trường điều tra không đạt tiêu chuẩn xếp loại thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khá cao. Kết quả này cho thấy, các trường cần có những biện pháp thích hợp nhằm phát triển thể lực cho sinh viên, một mặt đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mặt khác đảm bảo cho sinh viên có đủ thể lực để học tập và rèn luyện tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT, quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên
- 2 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT Quy định tổ chức các hoạt động thể thao ngoài khóa cho học sinh, sinh viên.
- 3 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), TT số 25/2015/TT-BGDĐT quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học
- 4 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Công văn số 4723/BGDĐT-CTHSSV, hướng dẫn công tác HSSV hoạt động ngoài giờ lên lớp
- 5 Nguyễn Xuân Sinh (1999), Phương pháp NCKH TDTT, NXB TDTT Hà Nội

Bảng 6. Kết quả phân loại thể lực của sinh viên trong các trường đại học thuộc địa hạt Nguyên

Chỉ tiêu	Loại	ĐH Sư phạm			ĐH KT Công nghiệp			ĐH KT & QTKD			ĐH Nông Lâm		
		Năm I	Năm II	Năm III	Năm I	Năm II	Năm III	Năm I	Năm II	Năm III	Năm I	Năm II	Năm III
Bật xa tại chỗ	Tốt	43 (13,35)	32 (13,11)	32 (13,28)	25 (12,19)	34 (14,72)	26 (10,28)	44 (25,0)	36 (18,65)	29 (17,68)	25 (18,12)	28 (17,72)	37 (24,18)
	Đạt	149 (46,27)	124 (40,81)	121 (50,21)	112 (54,63)	125 (54,11)	89 (30,21)	76 (48,90)	92 (47,67)	88 (53,66)	67 (48,55)	76 (48,10)	67 (43,79)
	K đạt	130 (40,37)	88 (36,06)	88 (36,51)	68 (33,17)	72 (31,17)	67 (36,82)	56 (31,82)	65 (33,68)	47 (28,66)	46 (33,33)	54 (34,18)	49 (32,03)
Chạy 30m XPC	Tốt	57 (17,70)	41 (16,80)	36 (14,94)	34 (16,58)	31 (13,42)	28 (15,38)	42 (23,86)	32 (16,58)	35 (21,34)	28 (20,29)	22 (13,92)	35 (22,88)
	Đạt	150 (46,58)	116 (47,54)	128 (53,11)	109 (53,17)	128 (55,41)	93 (51,10)	82 (46,59)	81 (41,97)	91 (55,48)	71 (51,45)	77 (48,73)	64 (41,83)
	K đạt	115 (35,71)	87 (25,65)	87 (36,09)	72 (35,12)	72 (31,17)	61 (33,52)	52 (29,56)	80 (41,45)	38 (23,17)	39 (28,26)	59 (37,34)	54 (35,29)
Chạy con thoi	Tốt	36 (11,18)	41 (16,80)	31 (12,80)	32 (15,61)	38 (16,45)	31 (17,03)	47 (26,70)	38 (19,69)	39 (23,78)	31 (22,46)	32 (20,25)	36 (23,53)
	Đạt	171 (53,10)	112 (45,90)	127 (52,69)	115 (56,10)	141 (61,03)	89 (48,00)	86 (48,86)	87 (45,08)	93 (56,71)	72 (52,17)	72 (45,57)	66 (41,14)
	K đạt	115 (35,71)	91 (32,29)	83 (34,43)	68 (33,17)	52 (22,51)	62 (34,07)	43 (24,43)	68 (35,23)	32 (19,51)	35 (25,36)	54 (34,18)	51 (33,33)
Chạy tuy sức 5'	Tốt	20 (6,21)	26 (19,66)	16 (6,63)	20 (9,75)	22 (9,52)	20 (11,23)	15 (8,47)	20 (10,25)	10 (7,09)	15 (10,86)	14 (8,86)	15 (9,80)
	Đạt	160 (49,68)	114 (46,77)	120 (49,79)	100 (48,78)	114 (49,35)	90 (40,41)	77 (43,75)	78 (40,41)	70 (42,68)	60 (43,47)	70 (44,30)	74 (48,56)
	K đạt	142 (44,09)	104 (42,63)	105 (43,56)	85 (41,46)	95 (41,12)	72 (40,44)	85 (48,02)	95 (49,22)	84 (51,21)	63 (45,65)	74 (46,83)	64 (41,85)

SUMMARY

**REALITY COURSE PHYSICAL EDUCATION & PHYSICAL FORCE OF
UNIVERSITIES STUDENTS UNDER THE UNIVERSITY OF THAI NGUYEN**

Nguyễn Tiên Lâm*, Nguyễn Tiên Phong, Nguyễn Nam Hà,
Nguyễn Văn Dũng, Đặng Thị Kim Mai

College of Economics & Business Administration – TNU

Physical education is an organic part of the objectives of education and training and to help people develop the intellectual tall, physically robust, rich in spiritual, moral clarity, enhanced ability to learn and work. Physical preparation is part of the process of physical education, fitness has very important significance, it affects learning outcomes, in the sport activities of the students

Keywords: *physical education, physical development, motor qualities*

Ngay nhận bài 27/2/2016. Ngày phản biện 26/3/2016. Ngày duyệt đăng 15/6/2016
Phan biên khoa học, ThS Lê Hải Bằng – Trường Đại học Khoa học - ĐHTN

* *Tel*